

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1275 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng giai đoạn 2023-2025

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 -2025;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng giai đoạn 2023 - 2025 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành có liên quan trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng nội dung và thời hạn quy định tại Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh đã được thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Bộ Quốc phòng chủ động phát hiện và kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định liên quan thuộc thẩm quyền hoặc đề nghị bằng văn bản, gửi Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ đối với các Luật, Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ để thực hiện Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh được thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Văn phòng Chính phủ kiểm tra, đôn đốc thực hiện và tổng hợp vướng mắc của Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành, địa phương có liên quan để kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ tháo gỡ trong quá trình thực thi Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

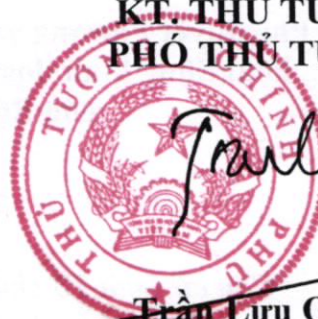
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KSTT (02).

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trần Lưu Quang
Trần Lưu Quang



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG AN

**Cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh
thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng
giai đoạn 2023 - 2025**

*(Kèm theo Quyết định số 1215 /QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

I. LĨNH VỰC MẬT MÃ DÂN SỰ

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự (mã thủ tục hành chính: 2.001529)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày xuống còn 20 ngày; số lượng hồ sơ từ 02 bộ xuống còn 01 bộ.

- Bỏ thành phần hồ sơ:

+ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương”;

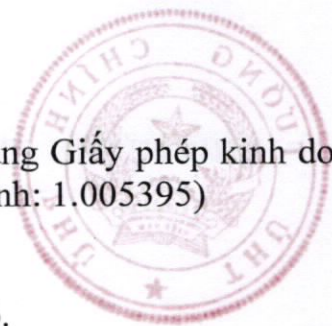
+ “Bản sao văn bằng hoặc chứng chỉ chuyên môn về bảo mật, an toàn thông tin của đội ngũ quản lý, điều hành, kỹ thuật”.

Lý do: Cắt giảm số lượng, thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết để cắt giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cho đối tượng thực hiện. Các thông tin về “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương”, “văn bằng hoặc chứng chỉ chuyên môn về bảo mật, an toàn thông tin của đội ngũ quản lý, điều hành, kỹ thuật” được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được các bộ, ngành chia sẻ, kết nối với Cổng Dịch vụ công Bộ Quốc phòng, Cổng Dịch vụ công quốc gia. Sửa đổi mẫu Đơn đề nghị theo hướng bổ sung các trường thông tin về đăng ký doanh nghiệp, chứng nhận đầu tư, văn bằng hoặc chứng chỉ chuyên môn về bảo mật, an toàn thông tin của đội ngũ quản lý, điều hành, kỹ thuật.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 32 Luật An toàn thông tin mạng; Điều 5 Nghị định số 58/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và xuất nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự.

- Lộ trình thực hiện: 2023 - 2025.



2. Thủ tục hành chính 2: Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự (mã thủ tục hành chính: 1.005395)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm số lượng hồ sơ từ 02 bộ xuống còn 01 bộ.

- Bỏ thành phần hồ sơ:

+ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương”;

+ “Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã đang có hiệu lực”.

Lý do: Cắt giảm số lượng và thành phần hồ sơ để cắt giảm chi phí, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện. Các thông tin về “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương” được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp được chia sẻ, kết nối với Công Dịch vụ công Bộ Quốc phòng, Công Dịch vụ công quốc gia. Thông tin về “Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã đang có hiệu lực” được khai thác từ cơ sở dữ liệu chuyên ngành do Ban Cơ yếu Chính phủ quản lý.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 33 Luật An toàn thông tin mạng; Điều 5 Nghị định số 58/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và xuất nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự.

- Lộ trình thực hiện: 2023 - 2025.

3. Thủ tục hành chính 3: Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự (mã thủ tục hành chính: 1.005396)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 05 ngày xuống còn 04 ngày.

- Lý do: Tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 33 Luật An toàn thông tin mạng; Điều 5 Nghị định số 58/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và xuất nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự.

- Lộ trình thực hiện: 2023 - 2025.

4. Thủ tục hành chính 4: Thủ tục gia hạn Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự (mã thủ tục hành chính: 1.005397)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 20 ngày xuống còn 10 ngày; giảm số lượng hồ sơ từ 02 bộ xuống còn 01 bộ.

- Bỏ thành phần hồ sơ:

- + “Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã đang có hiệu lực”;
- + Báo cáo hoạt động của doanh nghiệp trong 02 năm gần nhất”.

Lý do: Cắt giảm thời hạn giải quyết và thành phần hồ sơ để cắt giảm chi phí tuân thủ, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện. Các thông tin về “Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã đang có hiệu lực” được khai thác trên cơ sở dữ liệu của Ban Cơ yếu Chính phủ. Các thông tin về “Báo cáo hoạt động của doanh nghiệp trong 02 năm gần nhất”: Theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Luật An toàn thông tin mạng năm 2015, hằng năm, các doanh nghiệp đều có trách nhiệm gửi báo cáo về tình hình hoạt động của doanh nghiệp; mặt khác, điều kiện để gia hạn là doanh nghiệp không vi phạm các quy định của pháp luật về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và các cơ quan cấp phép đã có sẵn các thông tin này.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 33 Luật An toàn thông tin mạng; Điều 5 Nghị định số 58/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và xuất nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự.

- Lộ trình thực hiện: 2023 - 2025.

5. Thủ tục hành chính 5: Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự (Mã thủ tục hành chính: 1.008253)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 10 ngày xuống còn 07 ngày.

- Bỏ thành phần hồ sơ:

+ “Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã đang có hiệu lực”;

+ “Bản sao Giấy chứng nhận hợp quy đối với sản phẩm mật mã dân sự nhập khẩu”.

Lý do: Giảm thời hạn giải quyết để tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện. Các thông tin về “Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã đang có hiệu lực; Giấy chứng nhận hợp quy đối với sản phẩm mật mã dân sự nhập khẩu” được khai thác từ cơ sở dữ liệu của Ban Cơ yếu Chính phủ. Sửa đổi mẫu đơn, bổ sung thêm trường thông tin về Giấy chứng nhận hợp quy đối với sản phẩm mật mã dân sự nhập khẩu.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 34 Luật An toàn thông tin mạng; Điều 6 Nghị định số 58/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và xuất nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự.

- Lộ trình thực hiện: 2023 - 2025.

II. LĨNH VỰC QUẢN LÝ VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ

1. Thủ tục hành chính 6: Thủ tục cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp lần đầu (mã thủ tục hành chính: 2.002422)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung thêm cách thức nộp hồ sơ trực tuyến.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục cũng như góp phần rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục so với thực hiện thủ tục theo phương thức thủ công.

- Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp còn hiệu lực.

Lý do: Có thể khai thác thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương được kết nối, chia sẻ với Công Dịch vụ công Bộ Quốc phòng, Công Dịch vụ công quốc gia.

- Bỏ thành phần hồ sơ: Giấy giới thiệu kèm bản sao Chứng minh sĩ quan hoặc Chứng minh thư quân đội (đối với quân nhân), thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu của người đến liên hệ đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp.

Lý do: Thay thế bằng việc bổ sung thêm trường thông tin người đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp vào mẫu giấy đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp chỉ cấp cho tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép hoạt động, không cấp cho cá nhân. Do vậy, việc bổ sung thông tin cá nhân của người đại diện doanh nghiệp là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền xác minh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 1, 4 Điều 3 Thông tư số 85/2018/TT-BQP ngày 23/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2023.

2. Thủ tục hành chính 7: Thủ tục cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với tổ chức, doanh nghiệp làm dịch vụ nổ mìn (mã thủ tục hành chính: 1.002887)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung thêm cách thức nộp hồ sơ trực tuyến.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục, góp phần rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục so với thực hiện thủ tục theo phương thức thủ công.

- Bỏ thành phần hồ sơ: Giấy giới thiệu kèm bản sao Chứng minh sĩ quan hoặc Chứng minh thư quân đội (đối với quân nhân), thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu của người đến liên hệ đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp.

Lý do: Thay thế bằng việc bổ sung thêm trường thông tin người đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp vào mẫu giấy đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp chỉ cấp cho tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép hoạt động, không cấp cho cá nhân. Do vậy, việc bổ sung thông tin cá nhân của người đại diện doanh nghiệp là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền xác minh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 3, 4 Điều 3 Thông tư số 85/2018/TT-BQP ngày 23/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2023.

3. Thủ tục hành chính 8: Thủ tục cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp sau khi hết thời hạn (mã thủ tục hành chính: 1.002892)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung thêm cách thức nộp hồ sơ trực tuyến.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục cũng như góp phần rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục so với thực hiện thủ tục theo phương thức thủ công.

- Bỏ thành phần hồ sơ: Giấy giới thiệu kèm bản sao Chứng minh sĩ quan hoặc Chứng minh thư quân đội (đối với quân nhân), thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu của người đến liên hệ đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp.

Lý do: Thay thế bằng việc bổ sung thêm trường thông tin người đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp vào mẫu giấy đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp chỉ cấp cho tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép hoạt động, không cấp cho cá nhân. Do vậy, việc bổ sung thông tin cá nhân của người đại diện doanh nghiệp là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền xác minh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 1, 2, 3 Điều 3 Thông tư số 85/2018/TT-BQP ngày 23/6/2018 của Bộ Quốc phòng quy định về quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2023.

4. Thủ tục hành chính 9: Thủ tục cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp do bị mất hoặc cấp đổi do bị hư hỏng (mã thủ tục hành chính: 1.002896)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung thêm cách thức nộp hồ sơ trực tuyến.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục cũng như góp phần rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục so với thực hiện thủ tục theo phương thức thủ công.

- Bỏ thành phần hồ sơ: Giấy giới thiệu kèm bản sao Chứng minh sĩ quan hoặc Chứng minh thư quân đội (đối với quân nhân), thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu của người đến liên hệ đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp.

Lý do: Thay thế bằng việc bổ sung thêm trường thông tin người đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp vào mẫu giấy đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp chỉ cấp cho tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép hoạt động, không cấp cho cá nhân. Do vậy, việc bổ sung thông tin cá nhân của người đại diện doanh nghiệp là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền xác minh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 1, 2, 3 Điều 3 Thông tư số 85/2018/TT-BQP ngày 23/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2023.

5. Thủ tục hành chính 10: Thủ tục điều chỉnh Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (mã thủ tục hành chính: 1.004898)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung thêm cách thức nộp hồ sơ trực tuyến.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục cũng như góp phần rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục so với thực hiện thủ tục theo phương thức thủ công.

- Bỏ thành phần hồ sơ: Giấy giới thiệu kèm bản sao Chứng minh sĩ quan hoặc Chứng minh thư quân đội (đối với quân nhân), thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu của người đến liên hệ đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp.

Lý do: Thay thế bằng việc bổ sung thêm trường thông tin người đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp vào mẫu giấy đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp chỉ cấp cho tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép hoạt động, không cấp cho cá nhân. Do vậy, việc bổ sung thông tin cá nhân của người đại diện doanh nghiệp là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền xác minh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 1, 2, 3 Điều 3 Thông tư số 85/2018/TT-BQP ngày 23/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2023.

6. Thủ tục hành chính 11: Thủ tục cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng (mã thủ tục hành chính: 3.000015)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung thêm cách thức nộp hồ sơ trực tuyến; giảm từ 02 ảnh cỡ 03 x 4 cm xuống còn 01 ảnh cỡ 03 x 4 cm.

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục cũng như góp phần rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục so với thực hiện thủ tục theo phương thức thủ công.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 1 Điều 10 Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2023-2025.

7. Thủ tục hành chính 12: Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng (mã thủ tục hành chính: 3.000016)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung thêm cách thức nộp hồ sơ trực tuyến; giảm từ 02 ảnh cỡ 03 x 4 cm xuống còn 01 ảnh cỡ 03 x 4 cm.

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục cũng như góp phần rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục so với thực hiện thủ tục theo phương thức thủ công.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 1 Điều 10 Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2023-2025.

8. Thủ tục hành chính 13: Thủ tục cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng (mã thủ tục hành chính: 3.000017)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung thêm cách thức nộp hồ sơ trực tuyến; giảm từ 02 ảnh cỡ 03x4 cm xuống còn 01 ảnh cỡ 03x4 cm.

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục cũng như góp phần rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục so với thực hiện thủ tục theo phương thức thủ công.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 1 Điều 15 Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2023-2025.

9. Thủ tục hành chính 14: Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng (mã thủ tục hành chính: 3.000018)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung thêm cách thức nộp hồ sơ trực tuyến; giảm từ 02 ảnh cỡ 03x4 cm xuống còn 01 ảnh cỡ 03x4 cm.

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục cũng như góp phần rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục so với việc thực hiện thủ tục theo phương thức thủ công.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 1 Điều 15 Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2023-2025.

III. LĨNH VỰC QUẢN LÝ VÙNG TRỜI

1. Thủ tục hành chính 15: Thủ tục cấp phép bay đối với tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ (mã thủ tục hành chính: 3.000132)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung cách thức nộp hồ sơ trực tuyến; bổ sung cách thức thông báo qua thư điện tử đối với trường hợp không cấp phép hoặc thiếu hồ sơ; bổ sung cách thức gửi phép bay trực tuyến tới cơ quan quản lý cấp trên và cơ quan Quân sự, cơ quan Công an, cơ sở điều hành bay, tổ chức, cá nhân liên quan trong khu vực có hoạt động của tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ và đồng thời gửi cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp phép.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

- Phân quyền cấp phép bay từ Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu cho Bộ Tư lệnh Quân khu, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh theo trọng lượng cất cánh,

phương pháp điều khiển, loại động cơ, mục đích sử dụng và người điều khiển (Quân khu đối với hoạt động bay có độ cao dưới 120m; Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh đối với hoạt động bay có độ cao dưới 50m).

Lý do: Tạo thuận lợi trong việc cấp phép bay, giảm chi phí đi lại. Hiện nay, Bộ Quốc phòng đang soạn thảo Nghị định thay thế Nghị định số 36/2008/NĐ-CP ngày 28/3/2008 của Chính phủ về quản lý tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ, trong đó có nội dung phân quyền cấp phép bay từ Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu cho Bộ Tư lệnh Quân khu, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh theo trọng lượng cất cánh, phương pháp điều khiển, loại động cơ, mục đích sử dụng và người điều khiển.

- Giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc; giảm thời gian trước ngày dự kiến tổ chức thực hiện các chuyến bay của các tổ chức, cá nhân nộp đơn đề nghị cấp phép bay từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

- Bổ thành phần hồ sơ: “Giấy phép hoặc giấy ủy quyền hợp pháp cho phép tàu bay, phương tiện bay thực hiện cất, hạ cánh tại sân bay, khu vực trên mặt đất, mặt nước”.

b) Kiến nghị thực thi:

- Xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 36/2008/NĐ-CP ngày 28/3/2008 của Chính phủ về quản lý tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ.

- Lộ trình thực hiện: 2023 - 2025.

2. Thủ tục hành chính 16: Thủ tục sửa đổi phép bay đối với tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ (mã thủ tục hành chính: 1.000357)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung cách thức nộp hồ sơ trực tuyến;

- Phân quyền cấp sửa đổi phép bay từ Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu cho Bộ Tư lệnh Quân khu, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh theo trọng lượng cất cánh, phương pháp điều khiển, loại động cơ, mục đích sử dụng và người điều khiển (Quân khu đối với hoạt động bay có độ cao dưới 120m; Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh đối với hoạt động bay có độ cao dưới 50m);

- Giảm thời gian giải quyết từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

Lý do: Tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, giảm chi phí, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 36/2008/NĐ-CP ngày 28/3/2008 của Chính phủ về quản lý tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ.

- Lộ trình thực hiện: 2023 - 2025.

3. Thủ tục hành chính 17: Thủ tục mở sân bay chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước (mã số thủ tục hành chính: 1.003257)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung cách thức nộp hồ sơ trực tuyến.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ:

+ “Bản vẽ bề mặt giới hạn chướng ngại vật hàng không, thể hiện rõ mặt cắt dọc, mặt cắt ngang tĩnh không; vị trí và cao độ tất cả chướng ngại vật hàng không trong vùng phụ cận sân bay, trong phạm vi bán kính 10 km tính từ điểm quy chiếu sân bay”.

+ “Thuyết minh mô tả khu vực vùng trời hoạt động của sân bay; phương thức bay; các đường hàng không đi qua sân bay trong bán kính 30 km tính từ điểm quy chiếu sân bay”;

+ “Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; giấy chứng nhận của địa phương về quản lý, sử dụng mặt nước nội địa, ven biển, trên biển”;

+ “Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”.

Bổ sung các trường thông tin nêu trên trong mẫu đơn, tờ khai.

- Bãi bỏ yêu cầu, điều kiện “có đội ngũ nhân lực đủ trình độ kỹ thuật vận hành, khai thác sân bay chuyên dùng”.

- Giảm thời gian thẩm định, kiểm tra và ra văn bản xin ý kiến Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc; giảm thời gian Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lời từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc; giảm thời gian giải quyết đề nghị chấp thuận mở sân bay chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

Lý do: Các thông tin về “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; giấy chứng nhận của địa phương về quản lý, sử dụng mặt nước nội địa, ven biển, trên biển; giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành do các Bộ, địa phương chia sẻ. Tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, giảm chi phí, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 11 Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng;

- Lộ trình thực hiện: 2023 - 2025.

4. Thủ tục hành chính 18: Thủ tục đóng sân bay chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước (mã số thủ tục hành chính: 2.001615)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung cách thức nộp hồ sơ trực tuyến; giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

- Lý do: Tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, giảm chi phí, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 2 Điều 12 Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng.

- Lộ trình thực hiện: 2023 - 2025.

5. Thủ tục hành chính 19: Thủ tục mở bãi cát, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, công trình nhân tạo (mã thủ tục hành chính: 2.001603)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung cách thức nộp hồ sơ trực tuyến;

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ:

+ Bản vẽ bề mặt giới hạn chướng ngại vật hàng không, thể hiện rõ mặt cắt dọc, mặt cắt ngang tĩnh không; vị trí và cao độ tất cả chướng ngại vật hàng không trong vùng phụ cận sân bay, trong phạm vi bán kính 10 km tính từ điểm quy chiếu sân bay.

+ Thuyết minh mô tả khu vực vùng trời hoạt động của sân bay; phương thức bay; các đường hàng không đi qua sân bay trong bán kính 30 km tính từ điểm quy chiếu sân bay;

+ Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; giấy phép xây dựng, thiết lập công trình của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà bãi cát, hạ cánh được thiết lập trên công trình đó;

+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Bổ sung các trường thông tin nêu trên trong mẫu đơn, tờ khai.

- Bãi bỏ yêu cầu, điều kiện “có đội ngũ nhân lực đủ trình độ kỹ thuật vận hành, khai thác sân bay chuyên dùng”.

- Giảm thời gian thẩm định, kiểm tra và ra văn bản xin ý kiến Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc; giảm thời gian Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc; giảm thời gian giải quyết đề nghị chấp thuận mở bãi cát, hạ cánh từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

Lý do: Các thông tin về “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; giấy phép xây dựng, thiết lập công trình của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà bãi cát, hạ cánh được thiết lập trên công trình đó; giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được các Bộ, địa phương chia sẻ. Tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, giảm chi phí, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 13 Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng.

- Lộ trình thực hiện: 2023 - 2025.

6. Thủ tục hành chính 20: Thủ tục đóng bãi cát, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, công trình nhân tạo (mã thủ tục hành chính: 1.008267)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bổ sung cách thức nộp hồ sơ trực tuyến; giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

Lý do: Tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, giảm chi phí, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 14 Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng.

- Lộ trình thực hiện: 2023 - 2025.

7. Thủ tục hành chính 21: Thủ tục mở bãi cát, hạ cánh trên boong tàu (mã số thủ tục hành chính: 2.001563)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bổ sung cách thức nộp hồ sơ trực tuyến;

- Giảm thời gian thẩm định, kiểm tra và ra văn bản xin ý kiến Bộ Giao thông vận tải từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc; giảm thời gian Bộ Giao thông vận tải có văn bản trả lời từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc; giảm thời gian giải quyết đề nghị chấp thuận mở bãi cát, hạ cánh từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: “Thuyết minh mô tả phương thức quản lý, điều hành bay trực thăng, bảo đảm an toàn, phòng chống cháy nổ, tổ chức điều hành bay, hiệp đồng thông báo bay”.

- Bãi bỏ yêu cầu điều kiện:

+ “Phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông vận tải, hạ tầng xã hội - đô thị”;

+ “Có đội ngũ nhân lực đủ trình độ kỹ thuật vận hành, khai thác sân bay chuyên dùng”.

Lý do: Tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, giảm chi phí, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 15 Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng.

- Lộ trình thực hiện: 2023 - 2025.

8. Thủ tục hành chính 22: Thủ tục đóng bãi cất hạ cánh trên boong tàu (mã số thủ tục hành chính: 2.001557)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bổ sung cách thức nộp hồ sơ trực tuyến; giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

Lý do: Tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, giảm chi phí, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 16 Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng.

- Lộ trình thực hiện: 2023 - 2025.

9. Thủ tục hành chính 23: Thủ tục đóng tạm thời sân bay chuyên dùng (mã số thủ tục hành chính: 2.001554)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bổ sung cách thức nộp hồ sơ trực tuyến; giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

Lý do: Tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, giảm chi phí, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 17 Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng.

- Lộ trình thực hiện: 2023 - 2025.

10. Thủ tục hành chính 24: Thủ tục mở lại sân bay chuyên dùng (mã số thủ tục hành chính: 2.001546)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bổ sung cách thức nộp hồ sơ trực tuyến;

- Giảm thời gian thẩm định, kiểm tra và ra văn bản xin ý kiến Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc; giảm thời gian Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc; giảm thời gian giải

quyết đề nghị chấp thuận mở lại sân bay chuyên dùng từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

- Bãi bỏ yêu cầu điều kiện: “Có đội ngũ nhân lực đủ trình độ kỹ thuật vận hành, khai thác sân bay chuyên dùng”.

Lý do: Tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, giảm chi phí, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 18 Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng.

- Lộ trình thực hiện: 2023 - 2025.

11. Thủ tục hành chính số 25: Thủ tục cấp giấy phép cho các cơ sở thiết kế, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ (mã số thủ tục hành chính: 1.008277)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung cách thức nộp hồ sơ trực tuyến;

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ

+ “Giấy chứng nhận kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư”;

+ “Bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) còn hiệu lực của Chủ cơ sở hoặc số định danh cá nhân”

+ Bổ sung các trường thông tin nêu trên trong mẫu đơn; bổ sung cách thức gửi qua thư điện tử đối với trường hợp hồ sơ không hợp lệ.

Lý do: Các thông tin về “Giấy chứng nhận kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư; Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) còn hiệu lực của Chủ cơ sở hoặc số định danh cá nhân” được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành được các bộ, ngành chia sẻ. Tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, giảm chi phí, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 36/2008/NĐ-CP ngày 28/3/2008 của Chính phủ về quản lý tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ.

- Lộ trình thực hiện: 2023 - 2025.

12. Thủ tục hành chính số 26: Thủ tục cấp giấy phép cho các cơ sở thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ (mã số thủ tục hành chính: 1.008278)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Gộp với Thủ tục cấp giấy phép cho các cơ sở thiết kế, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ (mã số thủ tục hành chính: 1.008277);

+ Bổ sung cách thức nộp hồ sơ trực tuyến;

+ Bãi bỏ thành phần hồ sơ: “Văn bản hiệp đồng với chính quyền địa phương, cơ quan có liên quan trong khu vực thử nghiệm (nếu có hoạt động bay);

+ Giảm thời gian giải quyết cấp giấy phép từ 20 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

Lý do: Trình tự thực hiện, thành phần và số lượng hồ sơ, thời gian giải quyết, đối tượng thực hiện, cơ quan thực hiện, kết quả thực hiện, yêu cầu, điều kiện giống với Thủ tục cấp giấy phép cho các cơ sở thiết kế, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ (mã số thủ tục hành chính: 1.008277). Tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, giảm chi phí, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 36/2008/NĐ-CP ngày 28/3/2008 của Chính phủ về quản lý tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ.

- Lộ trình thực hiện: 2023 - 2025.

13. Thủ tục hành chính số 27: Thủ tục cấp đổi giấy phép cho các cơ sở thiết kế, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ (mã số thủ tục hành chính: 1.008280)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung cách thức nộp hồ sơ trực tuyến;

+ Bỏ thành phần hồ sơ “Giấy phép đã được cấp”;

+ Bổ sung cách thức gửi thông báo qua thư điện tử đối với trường hợp hồ sơ không hợp lệ;

+ Giảm thời gian giải quyết từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

Lý do: Thông tin về “Giấy phép đã được cấp” được khai thác từ Cơ sở dữ liệu của Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu. Tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, giảm chi phí, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 36/2008/NĐ-CP ngày 28/3/2008 của Chính phủ về quản lý tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ.

- Lộ trình thực hiện: 2023 - 2025.

14. Thủ tục hành chính số 28: Thủ tục cấp lại giấy phép cho các cơ sở thiết kế, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ (mã số thủ tục hành chính: 1.008281)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung cách thức nộp hồ sơ trực tuyến;

+ Bổ thành phần hồ sơ “Giấy phép đã hết hạn sử dụng”;

+ Bổ sung cách thức gửi thông báo qua thư điện tử đối với trường hợp hồ sơ không hợp lệ;

+ Giảm thời gian giải quyết từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

Lý do: Thông tin về “Giấy phép đã hết hạn sử dụng” được khai thác trên Cơ sở dữ liệu của Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu. Tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, giảm chi phí, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 36/2008/NĐ-CP ngày 28/3/2008 của Chính phủ về quản lý tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ.

- Lộ trình thực hiện: 2023 - 2025.

15. Thủ tục hành chính số 29: Thủ tục đề nghị chấp thuận độ cao công trình (mã số thủ tục hành chính: 1.003356)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bổ sung cách thức nộp hồ sơ trực tuyến;

- Bổ sung cách thức gửi văn bản thông báo chấp thuận hoặc không chấp thuận qua thư điện tử cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận độ cao công trình, đồng thời gửi cho cơ quan cấp phép xây dựng địa phương, Cục Hàng không Việt Nam, Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam, Cảng Vụ hàng không khu vực và các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Giảm thời gian giải quyết:

+ Từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc đối với trường hợp hồ sơ đề nghị chấp thuận độ cao công trình cần bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

+ Từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc đối với các dự án xây dựng nhà ở, khu đô thị, khu nhà ở cao tầng, khu hạ tầng kỹ thuật công nghiệp, hệ thống cột treo đèn chiếu sáng ở khu vực tĩnh không đầu các sân bay;

+ Từ 20 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc đối với các dự án xây dựng khu kinh tế, khu đặc thù, khu công nghệ cao; từ 30 ngày làm việc xuống còn

20 ngày làm việc đối với các dự án đường dây tải điện cao thế có chiều dài dưới 100 km, hệ thống các trạm thu, phát sóng vô tuyến số lượng từ 10 đến 50 trạm;

+ Từ 45 ngày làm việc xuống còn 30 ngày làm việc đối với các dự án đường dây tải điện cao thế có chiều dài từ 100 km, hệ thống các trạm thu, phát sóng vô tuyến số lượng trên 50 trạm;

+ Từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc đối với trường hợp không chấp thuận về độ cao công trình.

Lý do: Tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, giảm chi phí, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 2 Điều 10 và khoản 1, 2, 3 Điều 11 Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: 2023 - 2025.

IV. LĨNH VỰC QUẢN LÝ BIÊN GIỚI

1. Thủ tục hành chính 30: Thủ tục cấp Giấy phép đi bờ cho thuyền viên nước ngoài đi bờ (mã thủ tục hành chính: 2.001129); Thủ tục hành chính 31: Thủ tục cấp Giấy phép cho thuyền viên nước ngoài xin nghỉ qua đêm trên bờ, xuống các tàu thuyền khác đang neo đậu tại cảng (mã thủ tục hành chính: 2.001223); Thủ tục hành chính 32: Thủ tục cấp Giấy phép xuống tàu thời hạn 12 tháng cho người Việt Nam và người nước ngoài thuộc các cơ quan, doanh nghiệp có nhu cầu thường xuyên xuống tàu thuyền nước ngoài làm việc không quá 12 tháng (mã thủ tục hành chính: 2.001222); Thủ tục hành chính 33: Thủ tục cấp Giấy phép xuống tàu thời hạn 03 tháng cho người Việt Nam và người nước ngoài thuộc các cơ quan, doanh nghiệp có nhu cầu thường xuyên xuống tàu thuyền nước ngoài làm việc không quá 03 tháng (mã thủ tục hành chính: 2.001221); Thủ tục hành chính 34: Thủ tục cấp Giấy phép cho người Việt Nam và người nước ngoài xuống tàu thuyền nước ngoài neo đậu tại cảng để thực hiện các hoạt động báo chí, nghiên cứu khoa học, tham quan; người điều khiển phương tiện Việt Nam, nước ngoài cập mạn tàu thuyền nước ngoài (mã thủ tục hành chính: 2.001220); Thủ tục hành chính 35: Thủ tục cấp Giấy phép cho người nước ngoài xuống tàu thuyền Việt Nam neo đậu tại cửa khẩu cảng để thực hiện các hoạt động báo chí, nghiên cứu khoa học, tham quan (mã thủ tục hành chính: 1.008357).

2. Nội dung đơn giản hóa:

- Áp dụng công nghệ mã vạch trong quy trình kiểm soát Giấy phép đi bờ của thuyền viên, các loại giấy phép do Biên phòng cửa khẩu cảng cấp.

- Lý do: Đơn giản hóa quy trình kiểm soát Giấy phép đi bờ của thuyền viên do Biên phòng cửa khẩu cảng cấp; đáp ứng yêu cầu cải cách, ứng dụng công nghệ thông tin, tự động hóa trong kiểm tra, giám sát biên phòng theo

hướng văn minh, hiện đại, nhanh chóng, chính xác, tiếp cận công nghệ 4.0; giúp người được cấp giấy phép giảm thời gian chờ đợi tại công cảng so với cách thức thủ công hiện nay.

3. Kiến nghị thực thi:

- Bộ Quốc phòng chỉ đạo Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng hướng dẫn các đơn vị Biên phòng Cửa khẩu cảng ứng dụng công nghệ mã vạch để đơn giản hóa quy trình kiểm soát các loại giấy phép cho người ra, vào hoạt động tại cửa khẩu cảng.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2023 - 2025: Triển khai đối với 20 cửa khẩu cảng (Vạn Gia/Quảng Ninh; Diêm Điền/Thái Bình; Hải Thịnh/Nam Định; Ninh Bình/Ninh Bình; Cảng Gianh, Hòn La/Quảng Bình; Cửa Việt/Quảng Trị; Thuận An/Thừa Thiên Huế; Kỳ Hà/Quảng Nam; Sa Kỳ/Quảng Ngãi; Vũng Rô/Phú Yên; Phú Quý/Bình Thuận; Trường Long Hòa/Trà Vinh; Năm Căn/Cà Mau; Đồng Tháp/Đồng Tháp; Mỹ Thới/An Giang; Hòn Chông/Kiên Giang; Soài Rạp-Hiệp Phước/Tiền Giang; Cảng Cà Ná, Cảng Ninh Chữ/Ninh Thuận).